

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH B Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2020/ HNGĐ-ST  
Ngày: 08- 5-2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B Đ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thảo Linh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Hoàng Thị Thành

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B Đ tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ 12, khu vực 2, phường NB, thành phố Q, tỉnh B Đ (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Lưu Ngọc V, sinh năm 1976; cư trú tại: 12, khu vực 2, phường N B, thành phố Q, tỉnh B Đ (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:***

Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2003 tại UBND P. T HĐ, TP. Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V thay đổi tình cảm, thiếu chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, không lo làm ăn, ham chơi bài bạc gây nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không từ bỏ. Năm 2017 chị đã gửi đơn xin ly hôn sau đó anh V hứa sẽ sửa đổi nên chị tha thứ và rút đơn. Từ sau khi chị rút đơn đến nay anh V không thay đổi gì, mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay

không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị xin Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung tên Lưu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/6/2004; Lưu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 17/12/2009 và Lưu Nguyễn Hương T, sinh ngày 15/01/2013. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lưu Ngọc V đã được Toà triệu tập hợp lệ đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà nhưng anh V đều cố tình vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H. Giao các cháu Lưu Nguyễn Như Q, Lưu Nguyễn Thủy T và Lưu Nguyễn Hương T cho chị Nguyễn Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Anh Lưu Ngọc V là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lưu Ngọc V đi đến hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T H Đ, Tp. Q nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân do anh V thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, bài bạc gây nợ nần, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không thay đổi. Năm 2017 chị đã gửi đơn xin ly hôn, anh V hứa sẽ sửa đổi nên chị tha thứ và rút đơn. Từ sau khi chị rút đơn đến nay anh V không thay đổi gì, mâu thuẫn giữa chị và anh V ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm, không có trách

nhệm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V cố tình vắng mặt không đến Tòa. Ngày 03/02/2020 Tòa đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh V lấy lời khai nhưng không có anh V ở nhà, vì vậy tòa đã lập biên bản lấy lời khai không được để làm bằng. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn kiên xin ly hôn với anh V. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để giải phóng cho đôi bên.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh V có 03 con chung tên Lưu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/6/2004; Lưu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 17/12/2009 và Lưu Nguyễn Hương T, sinh ngày 15/01/2013, sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, các cháu là con gái từ trước đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, anh V ít quan tâm đến các con. Hơn nữa, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H giao các cháu tên Lưu Nguyễn Như Q, Lưu Nguyễn Thủy T và Lưu Nguyễn Hương T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp 300.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh BD biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lưu Ngọc V được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Lưu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/6/2004; Lưu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 17/12/2009; Lưu Nguyễn Hương T, sinh ngày 15/01/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Hằng không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

*Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002469 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q. Chị H đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B Đ;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- UBND P. Q T, TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thảo Linh Phương**

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Thị Chính**

**Hoàng Thị Thành**

**Văn Thảo Linh Phương**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Quy Nhơn, ngày 08 tháng 5 năm 2020*

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, T. Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà *Văn Thảo Linh Phương*
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà *Cao Thị Chính*  
2. Bà *Hoàng Thị Thành*

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích Hằng, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ 12, khu vực 2, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*có mặt*).

- *Bị đơn*: Anh Lưu Ngọc Văn, sinh năm 1976; cư trú tại: 12, khu vực 2, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*vắng mặt*).

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích Hằng và anh Lưu Ngọc Văn được ly hôn.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

2. Về con chung: Giao các con chung tên Lưu Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 14/6/2004; Lưu Nguyễn Thủy Tiên, sinh ngày 17/12/2009; Lưu Nguyễn Hương Thủy, sinh ngày 15/01/2013 cho chị Hằng trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Hằng không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Hằng không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Hằng phải nộp 300.000đ án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002469 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị Hằng đã nộp đủ án phí HNGĐST.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Thị Chính**

**Hoàng Thị Thành**

**Văn Thảo Linh Phương**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- UBND P. Trần Hưng Đạo, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thảo Linh Phương**

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Thị Chính**

**Hoàng Thị Thành**

**Văn Thảo Linh Phương**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Quy Nhơn, ngày 15 tháng 02 năm 2019*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, T. Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà *Lê Thị Ngọc Dung*
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà *Cao Thị Chính*  
2. Ông *Trần Ngọc Hòa*

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1181/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tuyết, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 21, khu vực 3, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*có mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Mạnh Dũng, sinh năm 1986; cư trú tại: 21, khu vực 3, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*vắng mặt*).

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Tuyết được ly hôn ông Đỗ Mạnh Dũng.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

2. Về con chung: Bà Tuyết và ông Dũng có hai con chung tên là Đỗ Trương Vân Anh, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn Vũ, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành. Bà Tuyết không yêu cầu về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

3. Về tài sản chung: Bà Tuyết không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

***Biểu quyết, quyết định 3/3:***

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Bà Tuyết đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Tuyết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Mạnh Dũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Thị Chính**

**Hoàng Thị Thành**

**Văn Thảo Linh Phương**

